

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 130/2014/TT-BTC

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2014

THÔNG TƯ

Quy định về quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc gia

Căn cứ Luật dự trữ quốc gia số 22/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc gia.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về yêu cầu quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc gia; điều kiện đảm bảo chất lượng hàng dự trữ quốc gia trong quá trình nhập kho, xuất kho và lưu kho dự trữ quốc gia; chế độ thanh tra, kiểm tra và báo cáo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cung cấp, giao nhận và quản lý hàng dự trữ quốc gia.

Điều 3. Nội dung quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc gia

1. Yêu cầu quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc gia.

2. Các điều kiện đảm bảo chất lượng hàng dự trữ quốc gia.
3. Thanh tra, kiểm tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia.

Chương II **QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA**

Mục 1 **YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA**

Điều 4. Cơ sở quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc gia

1. Hàng dự trữ quốc gia phải được quản lý theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với hàng dự trữ quốc gia hoặc phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia chuyên ngành.

a) Đối với những mặt hàng đã có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, trong đó đã quy định cụ thể các chỉ tiêu chất lượng thì phải tuân thủ theo các quy định về chỉ tiêu chất lượng, đặc tính kỹ thuật, đặc điểm sử dụng đối với từng mặt hàng và thực hiện các biện pháp quản lý theo quy định;

b) Đối với những mặt hàng đã có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, nhưng chỉ quy định yêu cầu kỹ thuật theo nhóm chỉ tiêu chất lượng mà không quy định các chỉ tiêu chất lượng cụ thể thì áp dụng theo quyết định của Bộ Tài chính hoặc quyết định của bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia (sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính) ban hành các chỉ tiêu chất lượng, đặc tính kỹ thuật, đặc điểm sử dụng cụ thể của nhóm chỉ tiêu chất lượng quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với từng mặt hàng;

c) Đối với những mặt hàng chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thì áp dụng theo tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế và khu vực phù hợp đối với từng mặt hàng. Trường hợp chưa có tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế và khu vực, áp dụng theo tiêu chuẩn cơ sở, các quy phạm quy định kỹ thuật của cơ sở sản xuất hoặc tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất;

d) Trường hợp chưa xây dựng được quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với mặt hàng mới đưa vào dự trữ; chưa kịp sửa đổi, bổ sung chỉ tiêu kỹ thuật của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành do thay đổi yêu cầu kỹ thuật hoặc công nghệ bảo quản, bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia xây dựng và quyết định chỉ tiêu chất lượng và yêu cầu kỹ thuật bảo quản tạm thời để áp dụng sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính.

Trong thời gian tối đa mười tám tháng (18 tháng) kể từ ngày bổ sung mặt hàng mới, hoặc kể từ ngày thay đổi yêu cầu kỹ thuật hoặc công nghệ bảo quản mới, bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia phải hoàn thành việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, gửi Bộ Tài chính ban hành.

2. Hàng dự trữ quốc gia trong quá trình nhập kho, xuất kho và lưu kho phải tuân thủ theo đúng quy định liên quan đến quản lý chất lượng đối với từng mặt hàng dự trữ quốc gia tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các văn bản khác.

3. Hàng dự trữ quốc gia trong quá trình nhập kho, xuất kho và lưu kho phải chịu sự thanh tra, kiểm tra về chất lượng theo quy định tại Mục 3 Chương này.

Trong trường hợp cần thiết, cơ quan thanh tra, kiểm tra có thể sử dụng tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện việc đánh giá theo các yêu cầu quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với hàng dự trữ quốc gia. Tổ chức đánh giá sự phù hợp phải độc lập, khách quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả của mình.

Điều 5. Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp

1. Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm thẩm định, chỉ định, công bố công khai theo quy định của pháp luật danh sách các tổ chức có đủ điều kiện thực hiện đánh giá sự phù hợp đối với hàng dự trữ quốc gia đặc chủng, chuyên ngành do bộ, ngành được phân công quản lý.

2. Kết quả đánh giá của các tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định là cơ sở pháp lý để đánh giá chất lượng hàng dự trữ quốc gia trong quá trình nhập kho, xuất kho và lưu kho; là cơ sở để phục vụ công tác quản lý nhà nước về chất lượng hàng dự trữ quốc gia.

3. Nội dung đánh giá sự phù hợp gồm thử nghiệm, giám định, chứng nhận, kiểm định chất lượng hàng dự trữ quốc gia.

4. Tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 5 Điều 25 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

5. Yêu cầu, trình tự, thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp tuân thủ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ và các quy định của pháp luật có liên quan.

6. Kết quả chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hàng dự trữ quốc gia của các bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia, phải gửi Bộ Tài chính để theo dõi, phối hợp trong công tác quản lý nhà nước.

Điều 6. Chi phí đánh giá sự phù hợp

1. Đối với hàng nhập kho: đơn vị cung cấp hàng hóa dự trữ quốc gia phải trả chi phí cho tổ chức được chỉ định đánh giá sự phù hợp. Đối với khoản chi phí này được thể hiện trong hồ sơ mời thầu.

2. Đối với hàng lưu kho và xuất kho dự trữ quốc gia: đơn vị dự trữ quốc gia trực tiếp quản lý hàng dự trữ quốc gia phải trả chi phí cho tổ chức được chỉ định đánh giá sự phù hợp. Kinh phí chi cho đánh giá sự phù hợp được sử dụng từ nguồn kinh phí bảo quản hàng dự trữ quốc gia do Ngân sách nhà nước cấp.

Mục 2

ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA

Điều 7. Kho chứa hàng dự trữ quốc gia

1. Kho chứa hàng dự trữ quốc gia được xây dựng theo quy hoạch do cấp có thẩm quyền phê duyệt, phải đáp ứng các quy định của pháp luật có liên quan và được xây dựng theo tiêu chuẩn phù hợp với yêu cầu công nghệ bảo quản và đặc thù mỗi loại hàng dự trữ quốc gia; đảm bảo yêu cầu theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

2. Trường hợp kho cũ, kho thuê, nằm ngoài quy hoạch mạng lưới kho dự trữ quốc gia, thì hàng năm trước khi thực hiện nhập hàng, Thủ trưởng đơn vị dự trữ quốc gia căn cứ tình trạng chất lượng kho chứa, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định việc sử dụng kho chứa hàng dự trữ quốc gia.

Điều 8. Trang thiết bị, công cụ bảo quản hàng dự trữ quốc gia

1. Đối với Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an

a) Đơn vị trực tiếp quản lý hàng dự trữ quốc gia phải được trang cấp trang thiết bị, công cụ bảo quản phù hợp với công nghệ bảo quản đối với từng mặt hàng dự trữ quốc gia tương ứng và tuân thủ theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

b) Trang thiết bị, công cụ bảo quản phải có danh mục, định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật;

c) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành định mức và tiêu chuẩn kỹ thuật trang thiết bị, công cụ bảo quản hàng dự trữ quốc gia thuộc phạm vi quản lý. Bộ trưởng Bộ Tài chính giao Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước ban hành định mức và tiêu chuẩn kỹ thuật trang thiết bị, công cụ bảo quản hàng dự trữ quốc gia áp dụng đối với các đơn vị dự trữ quốc gia trực thuộc Tổng cục.

2. Đối với các bộ, ngành được giao nhiệm vụ quản lý hàng dự trữ quốc gia

Các đơn vị được giao nhiệm vụ bảo quản hàng dự trữ quốc gia; đơn vị được thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia phải có đầy đủ trang thiết bị, công cụ bảo quản, đáp ứng điều kiện nhập kho, xuất kho và lưu kho bảo quản hàng dự trữ quốc gia theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với hàng dự trữ quốc gia.

Điều 9. Điều kiện tiêu chuẩn nghiệp vụ đối với kỹ thuật viên bảo quản và thủ kho (kiêm giao nhận và bảo quản)

Kỹ thuật viên bảo quản, thủ kho (kiêm giao nhận và bảo quản) hàng dự trữ quốc gia phải đáp ứng tiêu chuẩn nghiệp vụ theo quy định của bộ quản lý chuyên ngành.

Mục 3

THANH TRA, KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA

Điều 10. Trách nhiệm thanh tra, kiểm tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia

1. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về dự trữ quốc gia: Bộ Tài chính có trách nhiệm quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 70 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; thực hiện thanh tra, kiểm tra về chất lượng hàng dự trữ quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 45 và Điều 52 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Tổng cục Dự trữ Nhà nước được Bộ Tài chính phân công thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng dự trữ quốc gia.

2. Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng hàng dự trữ quốc gia; chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng hàng dự trữ quốc gia được Chính phủ giao quản lý.

3. Thủ trưởng đơn vị dự trữ quốc gia có trách nhiệm tổ chức kiểm tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia trước khi nhập kho, xuất kho, trong quá trình lưu kho theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Thủ trưởng cấp trên về chất lượng hàng dự trữ quốc gia do đơn vị trực tiếp quản lý.

Điều 11. Kiểm tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia

1. Hình thức kiểm tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia

a) Kiểm tra trước khi nhập kho, xuất kho và quá trình lưu kho;
b) Kiểm tra theo kế hoạch hàng năm và tự kiểm tra để phục vụ công tác quản lý.

2. Kế hoạch kiểm tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia

a) Thủ trưởng các bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia chỉ đạo xây dựng kế hoạch kiểm tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia khi nhập kho, xuất kho và lưu kho bảo quản theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng dự trữ quốc gia và theo phân cấp thẩm quyền được quy định tại Điều 10 của Thông tư;

b) Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia quyết định kế hoạch tự kiểm tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia hàng năm theo yêu cầu quản lý và gửi Bộ Tài chính (Tổng cục Dự trữ Nhà nước) chậm nhất vào ngày 30 tháng 11 năm trước để tổng hợp;

c) Kiểm tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia theo kế hoạch hàng năm do cơ quan quản lý chuyên trách về dự trữ quốc gia tiến hành;